TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28-5-2018
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2018/QĐPT-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981, cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, cư trú tại: Ấp Đ, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện M năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng, sau đó được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, cự cãi và gia đình có hàn gắn một lần. Đến tháng 6/2017, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do anh C đi ra ngoài cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác, đối xử lạnh nhạt với vợ con, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 11/01/2013. Hiện 02 con chung đang sống với chị nên chị yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về thời gian kết hôn và thời gian vợ chồng ly thân, về con chung theo lời trình bày của chị B là đúng, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị B yêu cầu ra ở riêng và chỉ quan tâm gia đình bên vợ nên vợ chồng đã sống ly thân. Đối với yêu cầu ly hôn của chị B thì anh đồng ý.

- Về con chung: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày

11/01/2013. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/3/2018, bị đơn Nguyễn Văn C kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, anh yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm phát biểu ý kiến về tố tụng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị B và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N và Nguyễn Thị Anh T. Hiện tại 02 con chung đang sống chung với chị B. Tại biên bản về việc lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 20/6/2017 cháu Nguyễn Thị Huỳnh N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị B. Đối với cháu Nguyễn Thị Anh T còn nhỏ chỉ mới 05 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo về mọi mặt và các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung, tránh làm xáo trộn và ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như việc học tập của các cháu nên Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3] Về nợ chung: Chị B trình bày rằng vợ chồng không có nợ chung. Tuy nhiên, anh C cho rằng vợ chồng có nợ tiền của nhiều người. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã ra thông báo yêu cầu anh C cung cấp thông tin (họ tên, năm sinh, nơi cư trú có xác nhận của Công an địa phương nơi cư trú) của những người này. Anh C cũng đã cung cấp được thông tin của những người mà anh cho rằng vợ chồng nợ tiền của họ. Tuy nhiên, quá trình làm việc những người này có đơn xin không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này nếu anh C không trả nợ thì họ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải ngày 27/10/2017 anh C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007855 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014794 ngày 18 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 11/01/2013.

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007855 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014794 ngày 18 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng